

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 3 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Hồng D, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T1, xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay Số 135, ấp L, xã A, huyện T3, tỉnh Hậu Giang (*vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1980; cư trú tại ấp T1, xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2019 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 19 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn chị Lê Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Phạm Văn N tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 23/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi không thể điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc. Nên tháng 01/2019, chị mang con về nhà cha mẹ ruột của chị ở Số 135, ấp L, xã A, huyện T3, tỉnh Hậu Giang sống ly thân với

anh N đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh N có với nhau 01 người con chung tên Phạm Thúy V, sinh ngày 27/7/2008 hiện đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V phù hợp nguyện vọng của cháu V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Phạm Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Hồng D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh N theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân:* Chị D và anh N là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc, có thời gian dài sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị D. Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị D và anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị D và anh N.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị D và anh N có với nhau 01 người con chung tên Phạm Thúy V, sinh ngày 27/7/2008 đã trên 11 tuổi. Tại bản tự khai ngày 24/11/2019 cháu V trình bày nguyện vọng được sống chung với chị D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu V cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận ý kiến của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Hồng D và anh Phạm Văn N.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phạm Thúy V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 cho chị Lê Hồng D được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp nguyện vọng của cháu V.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Lê Hồng D không yêu cầu anh Phạm Văn N phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Hồng D phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000

(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N₀ 0012224 ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Lê Hồng D, anh Phạm Văn N. Báo cho chị D, anh N vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã T2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân